TOÀ ÁN NHÂN DÂN **QUẬN BẮC TỪ LIÊM** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	*CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM* **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **284**/2022/HNGĐ-ST
Ngày 26/07/2022
V/v Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN BẮC TỪ LIÊM, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thanh Loan;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Dương Minh Tuấn ; Bà Lê Thị Hạnh.

Thư ký phiên toà: Bà Hoàng Thị Thu Vân – Thư ký TAND quận Bắc Từ Liêm.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân quận Bắc Từ Liêm tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Thủy.

Trong ngày 26 tháng 07 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân quận Bắc Từ Liêm xét xử sơ thẩm, công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 522/2020/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 12 năm 2020 về việc "*Ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 42/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Phạm Thị L, sinh năm 1963; ĐKNKTT: phường C, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội; Nơi cư trú: thị trấn G, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc; Có mặt tại phiên tòa;

Bị đơn: Ông Khổng Văn H, sinh năm 1955; Nơi ĐKNKTT và cư trú: phường C, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội; Vắng mặt tại phiên tòa.

Đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Công ty Luật Hợp danh TL; Địa chỉ: phường D, quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội; Đại diện theo pháp luật: Ông Lê Huy Q – Giám đốc Công ty; Đại diện theo ủy quyền; Ông Vũ Viết T; Luật sư thuộc Công ty Luật Hợp danh TL – Thẻ Luật sư số 9.160/LS ngày 07/10/2016; Vắng mặt tại phiên tòa.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Luật sư Lê Thị Q - Công ty Luật Hợp danh TL; Thẻ Luật sư số 17409/LS ngày 02/07/2021; Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện về việc ly hôn đề ngày 24/11/2020 và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn bà Phạm Thị L trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Khổng Văn H kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã G, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc ngày 20/01/2001 trên cơ sở tự nguyện. Hôn nhân của ông bà không hạnh phúc do ông bà bất đồng quan điểm các vấn đề trong cuộc sống, ông H không quan tâm đến gia đình, có những xử sự, lối sống không theo chuẩn mực nên dần dần hai bên không còn tình

cảm, đặc biệt là sau khi con trai chung của ông bà qua đời, ông H và gia đình muốn ông H có con trai nối dõi. Bà và ông H sống ly thân từ cuối năm 2020 đến nay. Bà L xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể đoàn tụ nên đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn cho bà được ly hôn với ông H.

- Về con chung: Bà và ông H có một con chung là Khổng Minh P nhưng anh P đã qua đời.

- Về tài sản chung: Bà và ông H không có tài sản chung nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết. Những tài sản ông H yêu cầu Tòa án thu thập chứng cứ để đưa vào giải quyết trong vụ án không phải là tài sản chung của ông H và bà.

- Về nợ chung: Bà và ông H không có nợ chung.

Tại bản tự khai đề ngày 10/12/2021 và tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, bị đơn, ông Khổng Văn H trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông thống nhất việc kết hôn như bà L trình bày. Sau khi kết hôn, ông bà chung sống hạnh phúc được 05 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Thời điểm đó con của ông bà còn nhỏ, sợ con bị ảnh hưởng tâm lý nên ông H đã cố gắng tiếp tục chung sống với bà L. Mâu thuẫn vợ chồng chủ yếu phát sinh từ khi ông H phát hiện bà L có tính toán dùng tiền của ông H để mua các tài sản nhà đất cho con gái riêng của bà, có mối quan hệ bên ngoài. Bà L còn nhiều lần xúc phạm ông H nên càng làm mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng. Đỉnh điểm mâu thuẫn của ông bà là khi con chung của ông bà qua đời. Khoảng tháng 11/2020, bà L đã tự ý dọn ra khỏi nhà, ông bà đã ly thân từ đó cho đến nay. Hiện nay, ông H sức khoẻ yếu nên không thể có mặt theo triệu tập cho Toà. Ông H đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà L và đề nghị Toà án giải quyết vụ án vắng mặt ông.

- Về con chung: Ông và bà L có một con chung là Khổng Minh P nhưng anh P đã qua đời.

- Về tài sản chung: Tại Đơn yêu cầu chia tài sản chung vợ chồng với bà Phạm Thị L đề ngày 01/8/2021 và các tài liệu khác, ông H đề nghị Tòa án chia tài sản chung vợ chồng gồm: Nhà đất có diện tích hơn 2.000m^2 tại xã G, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc; Số tiền thu được từ việc bán đất tại khu đô thị Dương Nội, quận Hà Đông; 01 xe Corola Altis đứng tên bà L; 01 nhà liền kề, diện tích 60m^2, 03 tầng; Địa chỉ: phường P, quận Bắc Từ Liêm và căn hộ chung cư tại phường C, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội. Tuy nhiên tại Bản tự khai bổ sung đề ngày 04/07/2022, ông H đã khai là ông H sẽ khởi kiện về tài sản chung vợ chồng trong vụ án khác, không đề nghị Toà giải quyết trong vụ án này.

- Về nợ chung: Ông bà không có nợ chung.

Tại phiên tòa:

- Bà L giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và đề nghị Tòa giải quyết ly hôn cho bà và ông H.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bắc Từ Liêm phát biểu ý kiến:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán: Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự, thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, lập hồ sơ đầy đủ, đúng quy định.

+ Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án tại phiên tòa: Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Các quy định về phiên tòa, thủ tục bắt đầu phiên tòa, tranh tụng đều được thực hiện theo đúng quy định tại Chương 14 Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành các các quy định tại Điều 70,71, 72, 234 Bộ luật tố tụng dân sự về quyền và nghĩa vụ của mình

+ Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ; Xử cho bà L được ly hôn với ông H; Về con chung: Không ; Về tài sản chung: Không giải quyết; Về nợ chung: Không; Về án phí: Bà L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

1.1. Về thẩm quyền : Bị đơn trong vụ án là ông Khổng Văn H cư trú tại phường C, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội nên thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc về Tòa án nhân dân quận Bắc Từ Liêm theo quy định tại Điều 28, khoản 1 điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

1.2. Việc xét xử vắng mặt ông H: Ông H có đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 13/7/2022 vì lí do sức khỏe, đại diện theo ủy quyền và người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của ông H cũng có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt họ.

[2] Về nội dung:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị L và ông Khổng Văn H kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã G, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc ngày 20/01/2001. Hôn nhân của ông bà là hợp pháp. Cuộc sống hôn nhân của ông bà chỉ hạnh phúc trong thời gian đầu sau đó thì phát sinh mâu thuẫn. Theo bà L, ông bà không hạnh phúc do bất đồng quan điểm sống, ông H không có trách nhiệm với gia đình, có lối sống, cư xử không đúng dắn. Còn theo ông H, hôn nhân của ông bà không hạnh phúc do bất hòa do vấn đề kinh tế, bà L còn xúc phạm ông H. Tuy lý do khác nhau nhưng ông bà đều khẳng định hai vợ chồng đã ly thân được gần hai năm, không còn tình cảm vợ chồng. Bà L yêu cầu được ly hôn với ông H, ông H cũng đồng ý. Xét thấy, bà L, ông H không còn tình cảm, không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, không cùng hướng tới mục đích chung là xây dựng hôn nhân, gia đình. Mâu thuẫn giữa ông bà trầm trọng, hôn nhân không thể kéo dài được, mục đích hôn nhân

không đạt được. Việc bà L xin ly hôn với ông H là có căn cứ. Do vậy, căn cứ Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà L đối với ông H.

2.2. Về con chung : Ông H, bà L có một con chung là Khổng Minh P nhưng anh P đã qua đời.

2.3. Về tài sản chung: Bà L khai ông bà không có tài sản chung còn ông H khẳng định ông bà có tài sản chung nhưng ông không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này nên Hội đồng xét xử không giải quyết trong vụ án này.

2.4. Về nợ chung: Ông H, bà L không có.

2.5. Về án phí: Bà L phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự ; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Khoản 4 Điều 147; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc xin ly hôn của bà Phạm Thị L và ông Khổng Văn H.

2. Về quan hệ hôn nhân : Bà Phạm Thị L được ly hôn ông Khổng Văn H.

3. Về con chung : Ông H, bà L không có con chung.

4. Về tài sản chung : Tòa án không giải quyết.

5. Về nợ chung : Ông H, bà L không có.

6. Về án phí : Bà L phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Bà L đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai số 04049 ngày 01/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bắc Từ Liêm nay chuyển thành án phí. Bà L đã nộp đủ án phí.

7. Về quyền kháng cáo : Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND, VKSND TP Hà Nội;
- VKSND quận Bắc Từ Liêm,;
- Chi cục THADS quận Bắc Từ Liêm;
- UBND xã Gia Khánh, Bình Xuyên, Vĩnh Phúc (Số 01/2001);
- Lưu hồ sơ; Văn phòng.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thanh Loan